TOÀ ÁN NHÂN DÂN H.TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2017/DS - ST
Ngày: 14-9-2017
V/v "Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

** Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Vân

** Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Công Mỹ
2. Bà Giáp Thị Hiền

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Sự - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2017/TLST- DS ngày 15 tháng 5 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2017/QĐXXST- DS ngày 09 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2017/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Vũ Xuân T, sinh năm 1957 (có mặt)
Nơi cư trú: Phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh B.
2.Bị đơn: Anh Thân Văn L, sinh năm 1969 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh B
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh B.
Đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Vũ Xuân T (có mặt)
- Chị Phạm Thị T, sinh năm 1970 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ghi ngày 28/4/2017 và các bản tự khai, biên bản ghi lời khai nguyên đơn là ông Vũ Xuân T trình bày:

Ông và anh L do có mối quan hệ quen biết, nên anh L có mua cám chăn nuôi của gia đình ông T nhiều lần. Mục đích anh L mua cám của gia đình ông để chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình. Lúc mua bán giao cám có lần vợ anh L nhận, lần thì anh L nhận. Việc mua bán không có ai làm chứng việc này. Đến

ngày 22/7/2013 giữa ông và anh L có chốt nợ là 20.000.000 đồng tiền gốc và anh L hẹn 10/6/2014 thì trả cho ông T số tiền trên, lãi hai bên thỏa thuận miệng. Từ đó cho đến nay ông T đã nhiều lần xuống nhà anh L đề nghị trả số tiền gốc trên, nhưng anh L và chị T vẫn chưa trả được số tiền nào. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh L, chị T trả lại số tiền gốc là 19.600.000 đồng và lãi là 7.333.000 đồng. Ngày 24/8/2017 ông T rút yêu cầu đối với số tiền trả lãi là 7.333.000 đồng.

* Tại bản tự khai của bà Nguyễn Thị L vợ ông T trình bày: Việc vợ chồng anh L và chị T có mua cám của gia đình bà và còn nợ số tiền như ông T trình bày là đúng. Nay bà L xác định số tiền bán hàng là của vợ chồng bà và yêu cầu vợ chồng anh L, chị T phải trả cho vợ chồng bà số tiền gốc là 20.000.000 đồng. Nay vì lý do công việc nên bà L ủy quyền cho chồng bà là ông T tham gia tố tụng tại Tòa án từ giai đoạn thụ lý đến khi kết thúc phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình là yêu cầu vợ chồng anh L, chị T trả số tiền gốc là 19.600.000 đồng và không yêu cầu trả lãi.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/6/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị T trình bày:

Chị không nhớ rõ thời gian năm bao nhiêu, vợ chồng chị có quen biết gia đình ông T và có mua cám của gia đình ông T, khi mua cám thì chồng chị là anh L là người trực tiếp đi mua cám và trả tiền, nên việc còn nợ số tiền của ông T như thế nào chị không được biết rõ. Nay ông T có đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị trả số tiền 20.000.000đồng tiền gốc và 7.333.000 đồng tiền lãi chị có ý kiến như sau: nếu như anh L chồng chị còn nợ số tiền nhà ông T thì chị đồng ý trả nợ, còn không nợ thì chị không đồng ý trả nợ.

* Đối với anh L chồng chị T là bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các giấy tờ nhưng tại các buổi hòa giải và làm việc tại Tòa án thì anh L, chị T đều vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa ngày hôm nay anh L, chị T vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn ông Vũ Xuân T chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn là anh Thân Văn L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị T chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng khoản 3 Điều 144, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự Điều 430; Điều 440; Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Xuân T: Buộc anh L, chị T phải trả cho ông T, bà L tổng số tiền 19.600.000 đồng tiền gốc (Mười chín triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn).

Về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Anh Thân Văn L và chị Phạm Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Long, chị Tuyến.

Về quan hệ pháp luật: Ông Vũ Xuân T kiện đòi vợ chồng anh L, chị T có trách nhiệm trả khoản tiền mua hàng còn nợ là 19.600.000 đồng là quan hệ tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" theo Điều 430 của Bộ luật dân sự. Căn cứ khởi kiện của nguyên đơn là các giấy nhận nợ có chữ ký của chị T và anh L. Anh L và chị T thừa nhận có mua cám nhà ông T. Đối với bên bán đã thực hiện nghĩa vụ của mình là giao tài sản và anh L, chị T đã nhận tài sản nhưng không biết còn nợ hay không. Tại các buổi làm việc và hòa giải, anh L và chị T được tống đạt hợp lệ nhưng đều vắng mặt, cũng không xuất trình cho Tòa án chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình. Do vậy, việc ông T có đơn khởi kiện là có căn cứ.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Xuân T, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về nghĩa vụ trả tiền: Tại các giấy nhận nợ và chốt số tiền là 20 .000.000 đồng, có chữ ký của anh L. Nhưng tại phiên tòa hôm nay ông T yêu cầu trả số tiền gốc là 19.600.000 đồng và không yêu cầu lãi. Trong quá trình làm việc anh L và chị T đã được tống đạt hợp lệ nhưng không lên Tòa án làm việc để bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Ông T xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng của anh L, chị T. Do vậy, ông T yêu cầu anh L, chị T có trách nhiệm trả số tiền tiền 19.600.000 đồng tiền gốc là phù hợp với quy định tại Điều 430; Điều 440 của Bộ luật dân sự nên cần được chấp nhận.

Xét đối với yêu cầu trả lãi số tiền 7.333.000 đồng của ông T thấy rằng: Tại đơn khởi kiện ông T yêu cầu giải quyết nhưng đến ngày 24/8/2017 ông T rút yêu cầu đòi số tiền lãi. Xét thấy việc rút yêu cầu đối với tiền lãi là tự nguyện và phù hợp với quy định Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử không xem xét về phần lãi.

[2] Về số tiền phải trả:

Sau khi vợ chồng anh L và chị T mua cám chăn nuôi của gia đình ông T thì anh L là người đến lấy hàng trực tiếp, mục đích mua cám về phát triển kinh tế gia đình nên xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng anh L, chị T. Anh L và chị T có thừa nhận có mua cám nhà ông T, nhưng không nhớ rõ còn nợ số tiền bao nhiêu. Hơn nữa tại các buổi làm việc của Tòa án và tại phiên tòa hôm nay, anh L và chị T vắng mặt, không xuất trình chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình. Do vậy, buộc vợ chồng anh L, chị T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T và bà L số tiền gốc là 19.600.000đồng là phù hợp với quy định tại Điều 430; Điều 440 của Bộ luật dân sự.

[3] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Do anh L, chị T vắng mặt tại phiên tòa nên không thỏa thuận được lãi suất chậm thi hành án, lãi suất chậm trả thực hiện theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của ông T được chấp nhận nên anh L, chị T phải có nghĩa vụ liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền án phí phải chịu là: 19.600.000 đồng x 5% = 980.000 đồng.

Do yêu cầu khởi kiện của ông T được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

{5}Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 430; Điều 431; Điều 434; Điều 440; Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Xuân T. Buộc anh Thân Văn L và chị Phạm Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị L số tiền 19.600.000 đồng (Mười chín triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí: Anh Thân Văn L và chị Phạm Thị T có nghĩa vụ liên đới chịu 980.000 đồng (Chín trăm tám mươi nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Vũ Xuân T số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2016/0003674 ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

3.Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9

của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Vân

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

TOÀ ÁN NHÂN DÂN H. TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập –Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 14 tháng 9 năm 2017.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Tân Yên

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Mỹ

Bà Giáp Thị Hiền

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 55/2017/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2017 về Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Vũ Xuân Thủy, sinh năm 1957 (có mặt)

Nơi cư trú: Phố Tiến Thắng, thị trấn Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Thân Văn Long, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đồn Hậu, xã Lan Giới, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

- Bà Nguyễn Thị Linh, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Phố Tiến Thắng, Thị trấn Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bà Linh: Ông Vũ Xuân Thủy (có mặt)

- Chị Phạm Thị Tuyến, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đồn Hậu, xã Lan Giới, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về áp dụng pháp luật:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 430; Điều 431; Điều 434; Điều 440; Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Vũ Xuân Thủy. Buộc anh Thân Văn Long và chị Phạm Thị Tuyến phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Vũ Xuân Thủy và bà Nguyễn Thị Linh số tiền 19.600.000đồng (Mười chín triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Án phí: Anh Thân Văn Long và chị Phạm Thị Tuyến có nghĩa vụ liên đới chịu 980.000 đồng (Chín trăm tám mươi nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Vũ Xuân Thủy số tiền 600.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2016/0003674 ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4.Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 14 tháng 9 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân